

Số: 1762/QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập
đối với sinh viên trong các trường đại học thành viên
và đơn vị trực thuộc Đại học Huế

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 08 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1647/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định mức thu học phí, miễn, giảm học phí và thanh toán nội bộ trong Đại học Huế năm học 2015-2016;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Công tác học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên trong các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2015-2016. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh văn phòng, Trưởng các ban chức năng có liên quan; Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Khoa trưởng các khoa trực thuộc và Giám đốc Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc và các phó giám đốc;
- Lưu: VT, CTHSSV.


GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Văn Toàn

QUY ĐỊNH

Về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên trong các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Giám đốc Đại học Huế)*

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) là sinh viên bậc đại học, cao đẳng hệ chính quy đang học trong các trường đại học thành viên, phân hiệu và khoa trực thuộc Đại học Huế.

2. Sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, trợ cấp xã hội và chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng tại Quy định này thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

II. TIÊU CHUẨN VÀ MỨC XÉT, CẤP HBKKHT

1. Đối với học kỳ đầu của khóa học

a) Tiêu chuẩn

- Sinh viên trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh đại học, cao đẳng có tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển (không tính điểm ưu tiên khu vực, đối tượng và điểm nhân hệ số) đạt 15.0 điểm trở lên (đối với bậc đại học), 12.0 điểm trở lên (đối với bậc cao đẳng);

- Sinh viên thuộc diện được tuyển thẳng, hoặc ưu tiên xét tuyển vào đại học, cao đẳng theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành;

- Sinh viên thuộc diện dự bị đại học lên, dự bị đại học dân tộc TW về (sau đây gọi chung là dự bị lên) có kết quả học tập các môn học chính khóa năm dự bị đại học đạt loại giỏi trở lên.

Sinh viên thuộc các đối tượng nêu trên được xét, cấp HBKKHT trong phạm vi quỹ HBKKHT của trường theo các mức học bổng được quy định tại điểm b khoản 1 Mục này.

b) Các mức học bổng

- Mức học bổng loại khá: Có điểm trung bình 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 5.0 đến dưới 8.0 điểm (đối với bậc đại học), từ 4.0 điểm trở lên (đối với bậc cao đẳng) hoặc có điểm trung bình quy đổi đạt từ 7.0 đến dưới 8.0 điểm đối với sinh viên thuộc diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, dự bị lên (điểm trung bình quy đổi được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Mục này). Mức

học bổng loại khá bằng mức trần học phí đối với các nhóm ngành đào tạo theo quy định của Đại học Huế cho năm học đó.

- Mức học bổng loại giỏi: Có điểm trung bình 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 8.0 đến dưới 9.0 điểm hoặc có điểm trung bình quy đổi đạt từ 8.0 đến dưới 9.0 điểm đối với sinh viên thuộc diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, dự bị lên. Mức học bổng loại giỏi bằng 125% mức học bổng loại khá.

- Mức học bổng loại xuất sắc: Có điểm trung bình 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 9.0 điểm trở lên hoặc có điểm trung bình quy đổi đạt 9.0 điểm đối với sinh viên thuộc diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển. Mức học bổng loại xuất sắc bằng 150% mức học bổng loại khá.

2. Đối với các học kỳ còn lại

a) Tiêu chuẩn

Sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét học bổng thì được xét, cấp HBKKHT trong phạm vi quỹ HBKKHT của trường theo các mức học bổng được quy định tại điểm b khoản 2 Mục này.

b) Các mức học bổng

- Mức học bổng loại khá: Có điểm trung bình chung học tập đạt loại khá trở lên và điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên. Mức học bổng loại khá bằng mức trần học phí đối với các ngành đào tạo theo quy định của Đại học Huế cho năm học đó.

- Mức học bổng loại giỏi: Có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên. Mức học bổng loại giỏi bằng 125% mức học bổng loại khá.

- Mức học bổng loại xuất sắc: Có điểm trung bình chung học tập đạt loại xuất sắc và điểm rèn luyện đạt loại xuất sắc. Mức học bổng loại xuất sắc bằng 150% mức học bổng loại khá.

3. Những quy định chung

a) Đối với những trường có 2 nhóm ngành đào tạo trở lên thì mức học bổng loại khá bằng mức trần học phí của nhóm ngành có mức thu học phí thấp nhất.

b) Đối với những ngành nghề đào tạo không thu học phí thì áp dụng theo mức trần học phí được Nhà nước cấp bù cho nhóm ngành đào tạo thấp nhất của trường.

c) Đối với các ngành của Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Nghệ thuật và Khoa Du lịch đào tạo tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị: Việc xét, cấp HBKKHT cho sinh viên được tách quỹ riêng để tính, không xét chung với những sinh viên đang học cùng ngành tại cơ sở chính ở Huế.

d) Về điểm trung bình chung dùng để xét, cấp học bổng (sau đây gọi là điểm trung bình chung học bổng - TBCHB):

- Đối với các khóa, ngành đào tạo theo niên chế: Điểm TBCHB là điểm trung bình chung học tập, được xác định theo qui định hiện hành của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (chỉ được lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất, trong đó không có điểm thi dưới 5,0 hoặc kiểm tra hết môn học không đạt).

- Đối với các khóa, ngành đào tạo theo tín chỉ: Điểm TBCHB là điểm trung bình chung học tập, được tính theo thang điểm mười (chỉ được lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất, trong đó không có điểm thi dưới 5,5 hoặc kiểm tra hết môn học không đạt).

- Đối với diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, điểm TBCHB được quy đổi như sau:

+ Đạt giải nhất kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia: 9.0 điểm

+ Đạt giải nhì kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia: 8.0 điểm

+ Đạt giải ba kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia: 7.0 điểm

+ Đạt giải khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia: 6.0 điểm

+ Đạt huy chương vàng trong các giải đấu quốc tế chính thức: 9.0 điểm

+ Đạt huy chương bạc trong các giải đấu quốc tế chính thức: 8.0 điểm

+ Đạt huy chương đồng trong các giải đấu quốc tế chính thức: 7.0 điểm

+ Thành viên đội tuyển quốc gia hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu các giải quốc tế chính thức (không đạt huy chương): 6.0 điểm

+ Đạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia hoặc được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia: 6.0 điểm

- Đối với diện dự bị lên, điểm TBCHB được quy đổi như sau: Điểm TBCHB bằng điểm trung bình chung các môn học chính khóa của năm dự bị đại học trừ đi một ($TBCHB = TBCHT - 1.0$)

e) Kết quả rèn luyện được xác định theo qui định của Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

g) Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong năm học (mỗi học kỳ 5 tháng).

III. QUỸ HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Quỹ HBKKHT được bố trí tối thiểu bằng 8% từ nguồn thu học phí và tiền cấp bù miễn, giảm học phí hệ giáo dục chính quy. Đối với các ngành sư phạm (không thu học phí), quỹ học bổng được trích tối thiểu bằng 8% từ nguồn học phí do Nhà nước cấp bù.

IV. THỦ TỤC XÉT, CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

1. Căn cứ vào quỹ HBKKHT, các trường, phân hiệu và khoa trực thuộc xác định số lượng suất HBKKHT cho từng khóa học, ngành học. Trong trường hợp nếu số lượng sinh viên thuộc diện được xét cấp học bổng nhiều hơn số suất học bổng thì lấy theo thứ tự ưu tiên: Điểm TBCHB, xếp loại rèn luyện; nếu cùng đồng hạng điểm TBCHB thì ưu tiên sinh viên có kết quả xếp loại rèn luyện cao hơn.

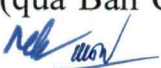
2. Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Giám đốc phân hiệu, Khoa trưởng các khoa trực thuộc căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên (hoặc kết quả tuyển sinh) tiến hành xét, cấp học bổng theo thứ tự từ loại xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định.

3. Kể từ học kỳ 2 trở đi, lấy kết quả xếp loại của học kỳ trước để xét, cấp học bổng cho học kỳ sau. Riêng các khóa tuyển sinh từ năm 2012 trở về trước, do trong học kỳ đầu sinh viên chưa được xét, cấp HBKKHT nên đến học kỳ cuối sinh viên sẽ được xét, cấp học bổng cuối khóa; điểm trung bình chung dùng để xét, cấp học bổng cuối khóa được xác định bằng cách lấy trung bình cộng của điểm thi học phần tốt nghiệp hoặc điểm khóa luận, đồ án tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề cuối khóa...

4. Sinh viên đào tạo theo học chế tín chỉ được xét, cấp HBKKHT theo số lượng tín chỉ (14 tín chỉ được tính tương đương với một học kỳ), nếu học dưới 14 tín chỉ sẽ không được xét, cấp học bổng (trừ học kỳ sinh viên học chứng chỉ giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, đi thực tập, thực tế theo đặc thù ngành nghề đào tạo và học kỳ cuối khóa).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc xét, cấp HBKKHT cho sinh viên tại các trường, phân hiệu và khoa trực thuộc đều thực hiện theo quy định chung của Đại học Huế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Đại học Huế (qua Ban Công tác học sinh, sinh viên) để cùng phối hợp xem xét, giải quyết./. 


GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC
HUẾ
Nguyễn Văn Toàn

Phụ lục
BẢNG ĐỊNH MỨC XẾP LOẠI HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
BẠC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Giám đốc Đại học Huế)

1. Học kỳ I năm học 2015-2016

a) Đối với khóa tuyển sinh 2015

Điểm trung bình thi tuyển, xét tuyển (đã quy đổi)	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (đồng) /tháng đối với sinh viên các trường				
		ĐHSP, ĐHKH, ĐHKT, ĐHNL, ĐHNN, ĐHL, KGDTCT		ĐHNT, KDL, Phân hiệu ĐHH tại QT		Đại học Y Dược
		Đại học	CĐ	Đại học	CĐ	
Từ 5.0 đến dưới 8.0	Khá	550.000		650.000		800.000
Từ 4.0 trở lên	Khá		440.000		520.000	
Từ 8.0 đến dưới 9.0	Giỏi	687.500		812.500		1.000.000
Từ 9.0 đến 10.0	Xuất sắc	825.000		975.000		1.200.000

b) Đối với các khóa còn lại

Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (đồng)/tháng đối với sinh viên các trường				
			ĐHSP, ĐHKH, ĐHKT, ĐHNL, ĐHNN, ĐHL, KGDTTC		ĐHNT, KDL, Phân hiệu ĐHH tại QT		Đại học Y Dược
			Đại học	CĐ	Đại học	CĐ	
Khá	Khá trở lên	Khá	550.000	440.000	650.000	520.000	800.000
Giỏi	Khá	Khá	550.000	440.000	650.000	520.000	800.000
Giỏi	Tốt trở lên	Giỏi	687.500	550.000	812.500	650.000	1.000.000
Xuất sắc	Khá	Khá	550.000	440.000	650.000	520.000	800.000
Xuất sắc	Tốt	Giỏi	687.500	550.000	812.500	650.000	1.000.000
Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	825.000	660.000	975.000	780.000	1.200.000

2. Học kỳ II năm học 2015-2016

Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (đồng)/tháng đối với sinh viên các trường				
			ĐHSP, ĐHKH, ĐHKT, ĐHNL, ĐHNN, ĐHL, KGDTCT		ĐHNT, KDL, Phân hiệu ĐHH tại QT		Đại học Y Dược
			Đại học	CĐ	Đại học	CĐ	
Khá	Khá trở lên	Khá	610.000	488.000	720.000	576.000	880.000
Giỏi	Khá	Khá	610.000	488.000	720.000	576.000	880.000
Giỏi	Tốt trở lên	Giỏi	762.500	610.000	900.000	720.000	1.100.000
Xuất sắc	Khá	Khá	610.000	488.000	720.000	576.000	880.000
Xuất sắc	Tốt	Giỏi	762.500	610.000	900.000	720.000	1.100.000
Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	915.000	732.000	1.080.000	864.000	1.320.000

hđ